

NGÔN NGỮ THƠ NÔM TRONG TÁC PHẨM "SỰ LÍ DUNG THÔNG" CỦA HƯƠNG HẢI THIÊN SƯ POETIC LANGUAGE NOM IN WORK "SU LI DUNG THONG" BY HUONG HAI MONK

NGUYỄN THỊ VIỆT HẰNG
(NCS, Đại học Sư phạm Hà Nội 2)

Abstract

Su li dung thong was composed by Huong Hai Thien Su in about late 17th century early 18th century. In spite of having high artistic value, *Su li dung thong* has not been still explored thorough. Through researching carefully content of work, using "song that luc bat" versification and Nom language, the article's author indicates the success of the art of the work. From these bases, we confirmed *Su li dung thong* is a great worth Buddhist literary work in Vietnamese literature in medieval.

1. Mở đầu

Phật giáo Việt Nam giai đoạn thế kỉ XVII – XVIII không giữ được vị thế trên vũ đài chính trị như thời Lý - Trần do nhà nước cầm quyền đương thời chú trọng đến vai trò của Nho giáo trong trị quốc, song trong dân gian tông giáo này vẫn có một sức sống mạnh mẽ. Một trong những người góp công làm nên sức sống ấy là Thiền sư Hương Hải. Ông đã không chỉ xây dựng nên "một dòng thiền phát triển rầm rộ" (Lê Mạnh Thát) mà còn dành nhiều tâm huyết cho sự nghiệp Việt hóa tư tưởng Phật giáo bằng cách diễn giải các kinh kệ ra chữ Nôm. *Sự lí dung thông* là một tác phẩm tiêu biểu.

Năm 1992, trong bài "Trên đường nhận diện gương mặt tư tưởng Hương Hải Thiền sư" đăng trên Tạp chí Văn học - số 4, nhà nghiên cứu Lại Văn Hùng nhận định: "Nếu kể đến những người có công phục hưng Phật giáo Việt Nam trong giai đoạn thế kỉ XVII - XVIII, thì không thể không nhắc đến một nhân vật nổi tiếng là Thiền sư Hương Hải. Nhưng lạ thay, việc nghiên cứu về ông lại quá ít ỏi". Đến thời điểm hiện nay, bên cạnh *Kiến văn tiểu lục* của Lê Quý Đôn, *Đại Nam nhất thống chí* của Quốc sử quán nhà Nguyễn, *Việt Nam Phật giáo sử luận* của Nguyễn Lang, các bài nghiên cứu của Lại Văn Hùng, đã xuất hiện thêm *Toàn tập Minh Châu Hương Hải* của Lê Mạnh Thát. Tuy nhiên, các công trình trên đều nghiên cứu tác giả, tác phẩm ở mức độ khái quát. Nhận thấy một

khoảng không gian mở cho nghiên cứu, chúng tôi đi vào tìm hiểu ngôn ngữ thơ Nôm trong tác phẩm *Sự lí dung thông* của Hương Hải Thiền sư.

2. Khái quát nội dung tác phẩm

Đúng như nhan đề, *Sự lí dung thông* là lí thuyết và thực tiễn thông suốt, nội dung tác phẩm xoay quanh giáo lí Phật giáo được diễn giải theo quan niệm riêng của tác giả. Mở đầu, với giọng điệu ngợi ca, Hương Hải Thiền sư giới thiệu về tu thiền, nhấn mạnh trí tuệ tu thiền như mặt trời, khi đã có trí tuệ ấy chiếu soi thì mọi vật đều sáng rõ và kết quả tu thiền sẽ đến tự nhiên, con người được giải thoát đề từ đó thể hiện lòng từ bi cứu giúp mọi người. Tiếp đến, tác giả trình bày về lí thuyết và thực tiễn của đời sống tu thiền Việt Nam. Ông cho rằng, mặt lí thuyết, người tu thiền Việt Nam theo quan niệm "pháp nhãn vô sinh", sống theo thực tế một cách tự nhiên, tu thiền không nằm ngoài cuộc sống. Đó là sự nối tiếp quan niệm "cư trần lạc đạo - sống ở đời mà vui đạo" từ thời Trần Nhân Tông, bởi vậy mà không gạt bỏ vai trò của Đạo giáo, Nho giáo, Hương Hải Thiền sư nhấn mạnh:

*Nho dùng tam cương ngũ thường
Đạo gìn ngũ khí giữ gìn ba nguyên
Thích giáo nhân tam quy ngũ giới*

Thế một đường xe phải dùng ba

Trong thực tiễn tu hành thì Phật tử phải "lí hiểu tường sự giữ niệm từ", phải "rèn giới hạnh công phu" để:

Đốc làm chí cả trọng phu,

Đạo nên trung hiếu, ân thù vẹn hai

Là người “nhập Nho quy Thích”, dễ hiểu vì sao Hương Hải lại nhấn mạnh rằng đời sống tu thiền cũng phải là một đời sống trung hiếu của đấng trượng phu. Phần kết tác phẩm là một lời nhắn nhủ những người tu thiền cố gắng tiến tu để mở mang, chấn hưng sự nghiệp Phật giáo nước nhà:

Trong nơi giềng mối sửa sang

Răn khuyên hậu học mở đường tiến tu

Quy mô Phật pháp khuông phù

Đề làm mình cảnh muôn thu dõi truyền.

3. Thể thơ

Nhà nghiên cứu Lê Mạnh Thát cho rằng, tác phẩm có thể được sáng tác vào thời gian trước hoặc sau năm 1700 không lâu và “đúng vào hàng những bài thơ song thất lục bát đầu tiên của dân tộc, mở đầu cho những danh tác về sau...”. Nguyễn Huệ Chi trong *Từ điển văn học* cũng xếp tác phẩm vào hàng “những bài thơ song thất lục bát đầu tiên trong văn học dân tộc”. Khi xem xét, có thể thấy khá rõ ràng sự thiếu nhuần nhuyễn của *Sự lý dụng thông* so với những đỉnh cao của thể loại sau này như *Chinh phụ ngâm khúc* (bản dịch), *Cung oán ngâm khúc* của Nguyễn Gia Thiều, *Văn chiêu hồn* của Nguyễn Du... Vậy tại sao hầu hết các nhà nghiên cứu lại nhận định đây là một trong những bài thơ song thất lục bát đầu tiên? Điều này hẳn có cơ sở.

Về mặt nguyên tắc, khi đạt đến độ hoàn chỉnh thể loại, một tác phẩm song thất lục bát dù ngắn hay dài cũng được viết bằng sự tiếp nối các khổ thơ gồm bốn câu – hai câu bảy chữ, một câu sáu chữ và một câu tám chữ, nhưng trong số 162 câu thơ của tác phẩm, Hương Hải Thiền sư không nhất nhất tuân theo quy định mà thường như thuận bút đề viết. Có khi ông xen thêm khá nhiều câu thơ lục

Về cơ bản, một khổ song thất lục bát cần tuân thủ niêm luật sau:

	1	2	3	4	5	6	7	8
Câu thất 1	x	x	trắc	x	bằng	x	trắc	
Câu thất 2	x	x	bằng	x	trắc	x	bằng	
Câu lục	x	bằng	x	trắc	x	bằng		
Câu bát	x	bằng	x	trắc	x	bằng	x	bằng

Ba vị trí được quy định chặt chẽ về niêm luật là từ thứ ba, thứ năm và thứ bảy của câu thất. Các vị trí thứ tư, sáu, tám của câu lục và câu bát cũng nhất thiết phải theo bằng trắc cố định, riêng từ thứ hai có thể không bó buộc bằng hay trắc. Tuy nhiên, ở một kiểu cấu trúc khác thì từ thứ ba câu thất thứ nhất cũng có thể là vần bằng. Trường hợp này không phổ biến như cấu trúc

bát vào sau mỗi khổ song thất lục bát hoàn chỉnh, có khi bỏ hẳn hai câu thơ thất ngôn, chỉ viết hai câu lục bát và cũng có khi viết liền tới mấy câu thất ngôn. Chúng tôi tạm gọi đó là những đoạn thơ lạc khổ, theo đó có tới 14 lần tác giả không tuân thủ đúng quy định thể loại. Sự đan cài giữa lục bát, thất ngôn và song thất lục bát khiến việc quy tác phẩm vào thể loại nào cũng có vẻ như không ổn. Tuy thế, chúng tôi vẫn theo ý kiến của các nhà nghiên cứu Lê Mạnh Thát, Nguyễn Huệ Chi, xếp *Sự lý dụng thông* vào thể loại song thất lục bát, dù đứng về mặt thể thơ mà nói thì rõ ràng là khá lỏng lẻo. Lí do để nghiêng theo nhận định ấy là bởi theo chúng tôi, tác phẩm ra đời vào khoảng cuối thế kỉ XVII đầu thế kỉ XVIII, khi đó song thất lục bát vẫn còn ở giai đoạn thử nghiệm, bản thân thể thơ chưa thể thành một cấu trúc ổn định như khi đạt tới đỉnh cao sau đó. Bên cạnh đó, có thể lí giải căn nguyên từ khía cạnh nội dung tác phẩm, sự gò ép bởi quy định thể loại mờ đi so với mục đích chuyển tải giáo lí nhà Phật – điều cốt yếu đạt được nên hình thức thể hiện đã bị sao nhãng chăng? Dầu sao, ở giai đoạn song thất lục bát còn đang trên đường hình thành, tác phẩm được đánh giá là một thành tựu chắc hẳn không thể là một ngoại ngôn.

Như trên đã nói, thế kỉ XVII – XVIII là giai đoạn tìm tòi một lối thể hiện cho song thất lục bát, vì vậy mà nó chưa thể đạt đến độ ổn định cả về nội dung và hình thức nghệ thuật. Hàng loạt các sáng tác như *Thiên Nam minh giám* (khuyết danh), *Hà Tiên quốc âm thập vịnh* của Mạc Thiên Tích... đều có những nét khác biệt, hay nói khác đi là chưa thể hoàn chỉnh như các đỉnh cao của thể loại sau này. *Sự lý dụng thông* cũng vậy. Sự khấp khểnh của những bước thử nghiệm ban đầu thể hiện rõ ở thanh điệu và lối gieo vần trong các khổ thơ song thất lục bát.

niêm luật trên. *Sự lý dụng thông* thuộc về dạng cấu trúc niêm luật hiếm gặp hơn.

Trong 22 khổ song thất lục bát hoàn chỉnh, Hương Hải Thiền sư đã tuân thủ tuyệt đối theo kiểu cấu trúc này, dù mỗi khổ thơ thiếu đi một chút cân xứng do chữ thứ ba không đối nhau từng đôi một theo luật bằng – trắc như chữ thứ năm và thứ bảy nhưng đây rõ ràng là một lựa chọn có chủ ý của tác giả. Trường hợp này giống với một

vài khổ thơ trong *Cung oán ngâm khúc* của Nguyễn Gia Thiều, hay *Chinh phụ ngâm* (bản dịch). Như vậy, khó có thể nói tác giả viết song thất lục bát không đúng quy định, vấn đề chỉ là tác giả viết khác cách so với quy tắc niêm luật phổ biến mà thôi.

Năm 1995, trong cuốn *Tư tưởng phương Đông gọi những điểm nhìn tham chiếu* khi bàn về “quân thể” (thể quân bằng), Giáo sư Cao Xuân Huy nhấn mạnh: “Về thơ ca, thì quân thể biểu hiện trong niêm luật lục bát thật là bằng phẳng, không gì lật đổ được, khác với quân thể của thơ Đường 5 chữ, 7 chữ có khi rất chênh vênh nguy hiểm. Song thất lục bát là một thể thơ đặt vững cái thể chênh vênh của thơ Đường trên cái nền bằng phẳng của lục bát”. Xuất phát từ những câu chữ rất hiểm hoi về thể song thất lục bát ấy của Giáo sư Cao Xuân Huy, nhà nghiên cứu Lại Văn Hùng trong bài viết “Một kiến giải độc đáo về thơ” (in trong *Giáo sư Cao Xuân Huy người thầy, nhà tư tưởng*) đã đi vào tìm hiểu cụ thể về quân thể thơ Đường và thơ lục bát, từ đó soi chiếu vào song thất lục bát để đi đến kết luận: “Người Việt đã làm cho hai câu thơ bảy chữ của Đường thi thành chênh vênh, và cũng chính người Việt lại đặt vững cho sự chênh vênh ấy bằng cái chân đế lục bát! Quân thể ở hai câu thất càng mất đi bao nhiêu thì nó lại càng được bù đắp lại ở hai câu lục bát vì ở hai câu lục bát vẫn cuối câu lục bao giờ cũng vận với chữ thứ sáu câu bát và luôn bằng. Thêm nữa vẫn cuối của câu bát lại vận với chữ thứ ba, hoặc năm của câu thất tiếp theo. Do vậy, quân thể Đường thi là đóng kín, gọn chắc thì quân thể song thất lục bát là mở thoáng, uyển chuyển. Không ai thêm được một câu nào vào bài Đường thi còn song thất lục bát thì có thể kéo dài mãi được”. Đúng từ góc độ quân thể song thất lục bát thì *Sự lý dụng thông* của Hương Hải Thiền sư quả thật đã đạt đến độ chuẩn mực. Nói như Bùi Văn Nguyên, Hà Minh Đức trong *Thơ ca Việt Nam – Hình thức và thể loại*: “Văn chân hay văn lưng tuy có khác nhau về vị trí trong câu thơ, nhưng đều có một chức năng là lặp lại ngữ âm, để làm tăng sự nhịp nhàng của câu thơ và để mạch thơ gắn chặt với nhau, dòng này chuyển sang dòng khác, ý này nối với ý kia...” thì rõ ràng lối gieo vần trong tác phẩm thật sự uyển chuyển, nhịp nhàng. Văn chân câu lục luôn là vần bằng, luôn bắt vần với chữ thứ sáu câu bát và vần chân của câu bát luôn bắt vần với chữ thứ ba câu thất tiếp theo. Tuy nhiên sự chuẩn mực mà chúng tôi khẳng định là so với giai đoạn đầu của thể loại. Bởi lối bắt vần từ vần chân câu bát với vần lưng ở chữ thứ năm câu thất tiếp theo mới là lối bắt vần phổ biến hơn của song thất lục bát khi đã đạt

đến độ chín muồi. Trong *Sự lý dụng thông* lối bắt vần này chỉ xuất hiện một lần:

*Đạo thì đường khí an thân,
Thuốc trừ tà bệnh chuyên cần luyện đan
Thích độ nhân miễn tam đồ khổ...*

Điều đó cho thấy lối bắt vần của Hương Hải Thiền sư so với các tác phẩm đỉnh cao sau này có chút khác cách, nhưng lại không phải là trường hợp hiếm gặp. Nó từng xuất hiện trong *Bồ đề thắng cảnh thi* (trương truyền của Lê Thánh Tông), *Thiên Nam minh giám* (khuyết danh)... Các tác phẩm này cũng như *Sự lý dụng thông* đều được giới nghiên cứu thống nhất xếp vào giai đoạn thể thơ song thất lục bát “đang trên đường hình thành” (chữ dùng của Phan Ngọc), do đó sự khác cách là điều có thể hiểu được.

4. Ngôn ngữ nghệ thuật

Sẽ thật thiếu công bằng khi đặt tác phẩm vào thể so sánh với những đỉnh cao của thể loại, chúng tôi muốn nhấn mạnh rằng, khi ở vào đúng vị trí của một trong những viên gạch đầu tiên xây dựng lối thơ dân tộc, *Sự lý dụng thông* hoàn toàn xứng đáng được đánh giá cao. Một trong những phương diện thành công của tác phẩm là nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ mà nhà nghiên cứu Lê Mạnh Thát từng không tiếc lời ca ngợi: “đây là một bài thơ hay, lời lẽ điêu luyện, hình tượng hấp dẫn”.

Trước hết, hệ thống ngôn ngữ thuần Việt, đặc biệt là lớp từ láy đã được Hương Hải Thiền sư sử dụng khá linh hoạt. Chúng tôi thống kê số lần sử dụng từ láy là 12/162 câu thơ, trong đó từ “lầu lầu” lặp lại bốn lần, từ “vàng vặc” lặp lại ba lần, còn lại là các từ “đăm đăm”, “đỉnh ninh”, “dùng dùng”, “phát phát”, “sủa sang”. Tuy số lượng từ láy còn chiếm một tỉ lệ khiêm tốn, song nó cho thấy sự sáng tạo tâm huyết của tác giả bởi chúng đều rất đậm chất dân tộc, có sức gọi tả cao. Sở dĩ khẳng định như vậy là vì căn cứ vào văn bản tác phẩm, *Sự lý dụng thông* mang đặc thù của các sáng tác bằng chữ Nôm đương thời, đó là số lượng từ Hán Việt và những từ cổ vẫn chiếm ưu thế. Giữa một bài thơ dài, dày đặc kiểu ngôn ngữ trang trọng, việc xen vào các từ láy có ý nghĩa như một sự điểm xuyết để cân bằng cảm xúc thẩm mỹ cho câu thơ.

Bên cạnh đó, nghệ thuật sử dụng điển cố cũng chứng tỏ tài năng của Hương Hải Thiền sư. Hệ thống điển cố được sử dụng rất phong phú, linh hoạt, trong đó bao gồm các điển thuộc thư tịch cổ Trung Hoa, đặc biệt là điển cổ từ kinh, luật, luận, các công án, các truyện, kí Phật giáo, v.v..

Chúng ta đều biết, sử dụng điển cố là một biện pháp nghệ thuật quen thuộc trong văn học trung đại, thông qua đó thể hiện được trí tuệ, tri thức, tài năng của người cầm bút. Những chuyện xưa, tích cũ, những tư tưởng, hình tượng tiêu biểu trong quá khứ được diễn đạt bằng những từ ngữ ngắn gọn, hàm súc sao cho ý tưởng nghệ thuật, tình cảm của tác giả được bộc lộ. *Sự lí dụng thông* đây áp điển cố với nhiều hình thức thể hiện khác nhau.

Có khi tác giả dùng các địa danh để làm thành điển. Chẳng hạn các địa danh Đông Độ là nơi khai sinh ra dòng thiền của các Tổ như Tuệ Khả, Huệ Năng; Tây Thiên là nơi Phật Thích Ca ra đời:

Tổ lòng Đông Độ Tây Thiên

Gần xa đắm ám hương thiền nước xông...

Hoặc địa danh Tào Khê, tên một con suối ở phủ Thiệu Châu nơi Lục tổ Huệ Năng lấy làm trung tâm cho dòng Thiền Tông:

Hãy nhìn sáu tổ nằm tông

Thiền hà muôn phái một dòng Tào Khê.

Có khi tác giả lấy ý câu nói của một nhân vật lịch sử để làm thành điển. Chẳng hạn, câu chuyện đối đáp của Mạnh Tử với Tề Tuyên Vương. Khi nhà vua hỏi: “Không chịu làm với không đủ sức làm, sự thể khác nhau ra sao?” Mạnh Tử trả lời: “Như việc kẹp núi Thái Sơn mà nhảy qua biển Bắc, và bảo người ta rằng: “Tôi không làm nổi” thì quả thực là không làm nổi. Còn như việc bẻ một cành cây cho bậc trưởng thượng, và bảo người ta rằng: “Tôi không làm nổi”, thì chỉ là không chịu làm chứ không phải là không làm nổi”... Hương Hải thiền sư đã gói gọn ý đó trong câu thơ: “*Kẹp non nhảy bẻ mới tài*” để chỉ những việc khó làm, vượt bực tới bờ bên kia để đạt tới ba giải thoát là không, vô tướng và vô nguyên.

Có khi tác giả dịch lại ý thơ để làm thành điển. Hai câu thơ của Trần Nhân Tông: “*Nhất phiến bạch vân hoành cốc khẩu - Kí đa quy diệu tận mê sào*” được viết lại thành:

Bao nhiêu chim bay về lạc tổ

Mây che ngoài ngõ ở hang xưa

Hoặc, lấy ý từ bài thơ truyền pháp của Bồ Đề Đạt Ma cho Tuệ Khả. Bài thơ bốn câu được diễn đạt ý thành một câu ngắn gọn: “*Trông bỏ để kết quả tự nhiên*”, với hàm ý chỉ chỉ thiền tông phát triển thành công.

Có khi tác giả tạo điển từ các công án thiền. Chẳng hạn, điển “*nê ngu - trâu đất*” chỉ con trâu làm bằng đất bùn, đi vào biển không để lại dấu vết. Tác giả viết: “*Nê ngu vào bể rộng sâu khôn tìm*”. Cách viết vừa dụng điển vừa diễn giải như vậy khiến người đọc dễ dàng tiếp

cận và hiểu về điển cố mà không mất nhiều công tra cứu.

Có khi đó lại rút gọn rút gọn ý từ các kinh điển. Câu “*Cúng mười phương một vị chẳng dư*” lấy ý từ câu trong kinh A Hàm: “*Như nước biển chỉ có một vị mặn, giáo pháp của Phật cũng chỉ có một vị là giải thoát*”.

Lại có khi điển cố là một tích truyện của nhà Phật. Chẳng hạn, câu chuyện khá dài về vị tiền Sằn Đề bị vua Ca Ly chửi mắng và cắt hết chân tay được diễn đạt ngắn gọn chỉ trong một câu thơ: “*Dù che cười hương đồ dao cắt*” để diễn đạt sự nhẫn nhục chịu đựng của người tu thiền.

Như vậy, có thể thấy hầu hết các hình thức xây dựng điển cố trong nghệ thuật văn chương thời trung đại đã có mặt trong tác phẩm. Thực tế, đối với người đọc hiện đại, để hiểu được không hề đơn giản song điều đó lại chứng minh trí tuệ uyên thâm và tài năng của tác giả. Tài năng ấy đã được sử dụng cho một công việc thật sự có ý nghĩa.

5. Kết luận

Sau khi xem xét nội dung, thể loại, ngôn ngữ nghệ thuật, hoàn toàn có thể khẳng định *Sự lí dụng thông* xứng đáng được xếp một vị trí trang trọng trong dòng văn học Phật giáo Việt Nam. Tác phẩm đã không chỉ dừng ở việc diễn giải tư tưởng Phật giáo mà còn đặt đến những thành tựu nhất định trong nghệ thuật ngôn từ.

Tài liệu tham khảo

1. Lê Quý Đôn (2007), *Kiến văn tiểu lục*. NXB Văn hóa Thông tin.
2. Lại Văn Hùng (1992), *Trên đường nhận diện gương mặt tư tưởng Hương Hải Thiền sư* – Tạp chí Văn học, số 4.
3. Cao Xuân Huy (1995), *Tư tưởng phương Đông gợi những điểm nhìn tham chiếu* – NXB Văn học.
4. Nguyễn Lang (2000), *Việt Nam Phật giáo sử luận*, tập 1,2,3. NXB Văn học.
5. Tiểu Túc Lê Minh (2010), *Những điển tích Phật giáo kì thú*. NXB Chính trị Quốc gia.
6. Nhiều tác giả (2001), *Giáo sư Cao Xuân Huy người thầy, nhà tư tưởng*. NXB Văn hóa – Thông tin.
7. Nhiều tác giả (2003), *Thơ ca Việt Nam – Hình thức và thể loại* – NXB ĐHQG Hà Nội.
8. Lê Mạnh Thát (2000), *Toàn tập Minh Châu Hương Hải*. NXB TP. Hồ Chí Minh.
9. Lê Mạnh Thát (2002), *Tổng tập văn học Phật giáo Việt Nam*. NXB TP. Hồ Chí Minh.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 15-01-2012)